

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **393/2019/HNGĐ-ST**  
Ngày: 04 – 10 - 2019  
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Sáu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Huỳnh Thanh Bình;
2. Lê Văn Phú

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Thanh Thúy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 431/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 458/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Hồng H (Trần Thị T), sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà X, ấp V, xã VL, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**Bi đơn:** Ông Tạ Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số X, ấp V, xã VL, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà H có mặt, ông T vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Trần Thị Hồng H và ông Tạ Văn T là do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VL, huyện An Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/01/2008.

Thời gian đầu chung sống H phúc, sau thường xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Khoảng tháng 3 năm 2018 thì ông T tự động bỏ đi, cắt đứt liên lạc và ly thân từ đó đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không H phúc nên bà H xin được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà H và ông T chưa có con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Tạ Văn T không tham gia phiên họp công khai, tài liệu chứng cứ và hòa giải, nên không thể ghi nhận ý kiến của ông T.

Về chứng cứ:

Các tài liệu, chứng cứ do bà Trần Thị Hồng H giao nộp:

- Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 ngày 03/01/2008;
- Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Chủ hộ Tạ Văn T;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Hồng H;
- Bản chính Bản tự khai ngày 08/7/2019 đứng tên Trần Thị Hồng H.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Tạ Văn T giao nộp: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:

- Biên bản xác minh nơi cư trú do Công an xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú cung cấp ngày 27/8/2019;
- Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân do Ban ấp V, xã VL cung cấp ngày 27/8/2019.

Tại phiên tòa, Bà H xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H và ông T bất đồng quan điểm sống, thường cãi vã, thiếu quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ngoài ra, ông T cũng bức xúc việc hai người sống với nhau không có con và tự bỏ đi. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không H phúc, nên bà H cương quyết xin được ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông T vắng mặt lần thứ hai không lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà H và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Trần Thị Hồng H và ông Tạ Văn T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành công khai tài liệu, chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Ông T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông T đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Hôn nhân giữa bà Trần Thị Hồng H với ông Tạ Văn T do gia đình sắp đặt, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VL, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm năm 2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 03/01/2008). Bị đơn ông Tạ Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo quy định tại các điều 29, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Về tình cảm: Bà H xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm là do giữa bà với ông T tính cách không hòa hợp; thường cãi vã; ông T không quan tâm chăm sóc và đã ly thân từ tháng 3 năm 2018. Qua xác minh được đại diện Ban ấp V cho biết, ông T và bà H khi mới cưới nhau sống tại địa phương, thỉnh thoảng cũng có cãi vã. Sau đó cả hai lên Bình Dương làm công nhân. Đầu năm 2018 thì cả hai trở về địa phương sinh sống, khoảng giữa năm 2018 đến nay thì không còn thấy ông T sống cùng bà H. Bà H và ông T chưa có con chung. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không H phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông T không có con chung, nên không đặt vấn đề giải quyết quyền nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, nếu ông T có tài liệu, chứng cứ chứng minh là có tài sản chung hoặc nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] *Về chi phí tố tụng:*

Trong quá trình giải quyết vụ án không phát sinh chi phí tố tụng, nên các đương sự không phải chịu.

Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các điều 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Hồng H,

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Hồng H được ly hôn với ông Tạ Văn T.

2/ *Về án phí:* Bà Trần Thị Hồng H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011426 ngày 15/7/2019. Bà H đã nộp đủ.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị Hồng H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Tạ Văn T là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 03/01/2008 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị Hồng H và ông Tạ Văn T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

*(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (2);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã VL (1),
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Sáu**